TÒA ÁN NHÂN DÂN NAM **QUẬN THỐT NỐT** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-3-2023
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT, TP. CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Kim Hưng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Cẩm Huỳnh**.

2. Ông **Nguyễn Hữu Đức**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Trung Hiếu** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ *tham gia phiên toà:* Bà **Trần Thị Kiều Oanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Y**, sinh năm 1979 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 01, khu phố TB, phường TH, thị xã T, tỉnh BD.

2. Bị đơn: Ông **Phạm Văn S**, sinh năm 1979(Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực T, phường T, quận N, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 30/11/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Y trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Qua tìm hiểu bà và ông Phạm Văn S tiến đến hôn nhân vào năm 1996 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh H theo số đăng ký 01 ngày 04/5/2005.

Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hiểu nhau, có khác biệt trong cách sống, quan điểm sống dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cải vả. Trong năm 2010, bà và ông S ly thân cho đến nay, trong suốt thời gian ly thân ông bà không gặp nhau để hàn gắn gia đình. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông S và không thể tiếp tục chung sống với ông nên bà yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung tên Phạm Thị Mỹ N (nữ), sinh ngày 07/5/1998; Phạm Văn H (nam), sinh ngày 19/02/2003 và Phạm Văn T (nam), sinh ngày 19/02/2003. Hiện các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung bà tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung bà xác định không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập ông Phạm Văn S tham gia tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông vắng mặt và cũng không nộp cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Về hôn nhân chấp nhận cho ly hôn giữa bà Lê Thị Y và ông Phạm Văn S. Về con chung, tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn ông Phạm Văn S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Xét quan hệ hôn nhân của bà Lê Thị Y và ông Phạm Văn S là tự nguyện. Ông bà tiến tới hôn nhân vào năm 1996, đến năm 2005 ông bà đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và bà Y có đơn khởi kiện ly hôn đối với ông S nên Tòa án thụ lý xem xét, giải quyết theo thủ tục chung.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà Y, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Y cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng không hiểu nhau, có khác biệt trong cách sống, quan điểm sống dẫn đến việc cả hai thường xuyên cải vả. Đến năm 2010, ông bà ly thân cho đến nay. Tại phiên tòa bà Y cương quyết yêu cầu ly hôn

do không còn tình cảm với ông S và không thể tiếp tục chung sống với ông S, riêng ông S dù đã được Tòa án thông báo về việc yêu cầu ly hôn của bà Y nhưng ông không có ý kiến. Từ đó, cho thấy mong muốn ly hôn của bà Y là có nhưng ông S không có ý kiến và không có biện pháp gì hàn gắn gia đình. Xét vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng nay bà Y xác định không còn tình cảm với ông S, ông S lại không đưa ra biện pháp hàn gắn gia đình cho thấy hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà Lê Thị Y được ly hôn với ông Phạm Văn S.

[4] *Về con chung*: Ông bà có ba người con chung tên Phạm Thị Mỹ N (giới tính: nữ), sinh ngày 07/5/1998; Phạm Văn H (giới tính: nam), sinh ngày 19/02/2003 và Phạm Văn T (giới tính: nam), sinh ngày 19/02/2003. Hiện các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không có yêu cầu gì do vậy Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[5] *Về tài sản chung:* Bà Y xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[6] *Về nợ chung*: Bà Y xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Y phải chịu toàn bộ án phí theo quy định.

[8] Xét đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** <u>Tuyên án</u>**:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị Y và ông Phạm Văn S.

2. Về con chung: Có 03 (ba) người con chung tên Phạm Thị Mỹ N (giới tính: nữ), sinh ngày 07/5/1998; Phạm Văn H (giới tính: nam), sinh ngày

19/02/2003 và Phạm Văn T (giới tính: nam), sinh ngày 19/02/2003. Hiện các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động, đương sự không có yêu cầu gì nên không đặt vấn đề giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt vấn đề giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Y phải chịu tiền án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ theo biên lai thu tiền số 0004913 ngày 07/02/2023 được chuyển thành án phí.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Thốt Nốt;
- UBND xã Tân Phú Thạnh, H. Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Thị Kim Hưng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Đức **Lê Cẩm Huỳnh** **Hoàng Thị Kim Hưng**